

Bản án số: **99/2018/ HS-ST**
Ngày 22 tháng 10 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Duy Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hưu Liên Dung - Nguyên Phó chủ tịch Hội chữ thập đỏ thành phố B, hiện đã nghỉ hưu.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền – Bí thư Đoàn thanh niên Phường 1, thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông H Văn Ngộ – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lâm Văn D** (Tên gọi khác: P), sinh năm 1995 tại B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: số 4/142, ấp R, xã V, thành phố B, tỉnh B; Nghề nghiệp: làm thuê; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 5/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn V, sinh năm 1975 và bà Lâm Thị Kim L, sinh năm 1976; Tiền án, tiền sự: không; Bị khởi tố bị can ngày 07/02/2018 và cho tại ngoại điều tra. (có mặt)

- Người bị hại: Em Nguyễn Thị N H, sinh ngày 26/9/2003.

Địa chỉ: ấp H, xã C, huyện V, tỉnh B. (vắng mặt)

- Người đại diện theo pháp luật của em H: Bà Phan Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp H, xã C, huyện V, tỉnh B. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Trần Thị Hằng N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thuộc Sở Tư pháp tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Thông qua mạng xã hội, Lâm Văn D và em Nguyễn Thị N H, sinh ngày 26/9/2003 quen biết và có tình cảm với nhau. Khoảng 23 giờ ngày 11/12/2017, Lâm Văn D điều khiển xe đến nhà bà Mai Thị T (là bà ngoại em H) ở ấp G, xã H, huyện V, tỉnh B chở em H đi đến thành phố B chơi. Sau đó, D đưa em D về nhà bà H Thị Ánh (là bà ngoại D) tại ấp R, xã V, thành phố B, tỉnh B. Lúc cả nhà đã ngủ nên D và

em H nằm trên giường trước hàng ba nhà, đến khoảng 01 giờ ngày 12/12/2017, cả hai nảy sinh ý định quan hệ tình dục với nhau. D và em H ôm hôn nhau rồi cởi quần áo và quan hệ tình dục. Quan hệ xong cả hai mặc quần áo, rồi tiếp tục ngủ chung.

Sáng ngày 12/12/2017, Lâm Văn D và em Nguyễn Thị N H đến nhà ông H Văn Đây (là cậu của D) ở cạnh nhà bà Ánh chơi. Khoảng 13 giờ cùng ngày, cả nhà ông Đây đi vắng nên D và em H nằm trên nền gạch trước cửa phòng ngủ tiếp tục quan hệ tình dục với nhau.

Về phía gia đình của H, sau khi phát hiện sự việc đã đến đến Công an xã Vĩnh Trạch, thành phố B trình báo.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 309/CN ngày 13/12/2017 của bệnh viện đa khoa tỉnh B xác định tình trạng của em Nguyễn Thị N H như sau: toàn thân không vết trầy xước; âm hộ vị trí 06 giờ xước nhẹ; màng trinh dẫn rộng rách cũ vị trí 06 giờ.

Qua giám định pháp y về độ tuổi ngày 25/12/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận tại thời điểm giám định (tháng 12/2017) Nguyễn Thị N H có độ tuổi từ 14 năm 09 tháng đến 15 năm 03 tháng.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 25/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Lâm Văn D về tội “Giao cấu với trẻ em” theo điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Lâm Văn D với mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm tù 06 tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về danh D, nhân phẩm, uy tín cho em H theo quy định pháp luật.

+ Về án phí: Buộc bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo; đồng ý bồi thường thiệt hại cho em H số tiền còn lại là 10.000.000 đồng.

- Đại diện người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về danh D, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho em H với số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 5.000.000 đồng nên phải bồi thường số tiền còn lại là 10.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Trong ngày 12/12/2017, bị cáo Lâm Văn D đã thành niên có hành vi giao cấu với em Nguyễn Thị N H, sinh ngày 26/9/2003, là trẻ em có độ tuổi từ 13 đến dưới 16 tuổi tại ấp Rạch Thẳng, xã Vĩnh Trạch, thành phố B, tỉnh B. Vì vậy, hành vi của bị cáo D đã bị khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can là phù hợp. Bên cạnh đó, quá trình điều tra và truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục

tổ tụng theo quy định của pháp luật hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lâm Văn D tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại là em Nguyễn Thị N H về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm và hành vi phạm tội của bị cáo; đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: lúc khoảng 01 giờ và 13 giờ 12/12/2017, tại ấp R, xã V, thành phố B, tỉnh B, bị cáo Lâm Văn D đã thành niên đã hai lần giao cấu với Nguyễn Thị N H là trẻ em trong độ tuổi từ 13 đến dưới 16 tuổi.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 309/CN ngày 13/12/2017 của bệnh viện đa khoa tỉnh B xác định tình trạng của em Nguyễn Thị N H như sau: toàn thân không vết trầy xước; âm hộ vị trí 06 giờ xước nhẹ; màng trinh dẫn rộng rách cũ vị trí 06 giờ.

Theo giấy khai sinh thì em Nguyễn Thị N H sinh ngày 26/9/2003, căn cứ vào kết quả giám định pháp y về độ tuổi ngày 25/12/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận tại thời điểm giao cấu Nguyễn Thị N H có độ tuổi từ 14 năm 09 tháng đến 15 năm 03 tháng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Lâm Văn D về tội “Giao cấu với trẻ em” theo Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng quy định pháp luật.

Bị cáo D có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Trong ngày 12/12/2017 bị cáo D đã hai lần thực hiện hành vi giao cấu với em H là trường hợp phạm tội nhiều lần. Do đó, hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với trẻ em” theo điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, việc truy tố và xét xử bị cáo D về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét thấy, hành vi của bị cáo Lâm Văn D không chỉ xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em, mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng tại địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Ở độ tuổi của em Nguyễn Thị N H chưa phát triển đầy đủ về tâm lý và sức khỏe nên hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho sự phát triển bình thường, ảnh hưởng đến sự phát triển đạo đức và nhân cách của em H. Hành vi của bị cáo D cần xử lý nghiêm khắc mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và còn có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét về nhân thân bị cáo D chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo và bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 5.000.000 đồng, tại phiên tòa đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là phù hợp. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, có nhân thân tốt nên cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy có đủ căn cứ xác định bị cáo D là người đã có hành vi giao cấu với em H, làm xâm hại đến danh D, nhân phẩm, uy tín của em H nên bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho em H là có căn cứ. Đối với yêu cầu của em Nguyễn Thị N H và người đại diện hợp pháp của em là bà Phan Thị T yêu cầu bị cáo D phải bồi thường thiệt hại số tiền còn lại là 10.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại và sự thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[4] Về án phí: bị cáo Lâm Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 500.000 đồng.

N đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; không có căn cứ chấp nhận việc bị cáo xin được hưởng án treo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Lâm Văn D phạm tội “Giao cấu với trẻ em”. Xử phạt bị cáo Lâm Văn D 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Lâm Văn D có trách nhiệm bồi thường cho em Nguyễn Thị N H số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), do bà Phan Thị T, là người đại diện hợp pháp của em H đại diện nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án (THA) dân sự có quyền thỏa thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Lâm Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án xử công khai, báo cho bị cáo và người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận :

- TAND tỉnh B;
- VKSND Tp. B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Nhà tạm giữ Tp. B;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Khánh